

TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM
CÔNG TY NGUYÊN LIỆU GIẤY MIỀN NAM

Địa chỉ : Số 377, đường Phan Đình Phùng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum

Email: congynguyenlieugiaymiennam@gmail.com

BÁO CÁO

KẾ HOẠCH SXKD VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2016

Kon Tum, Ngày 30 tháng 11 năm 2015

**BIÊN BẢN KIỂM TRA CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
NĂM 2015 VÀ RÀ SOÁT KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH NĂM 2016
CÔNG TY NGUYÊN LIỆU GIẤY MIỀN NAM**

Hôm nay ngày 04 tháng 12 năm 2015; Tại Văn phòng Chi nhánh Tổng công ty giấy Việt Nam tại Đà Nẵng, Tổng công ty Giấy Việt Nam đã tổ chức cuộc họp kiểm tra thực hiện kế hoạch sản xuất- Tài chính năm 2015 và rà soát kế hoạch năm 2016 của Công ty NLG Miền Nam.

Thành phần cuộc họp gồm:

TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM

- Đ/c Trịnh Văn Lâm: P.Tổng giám đốc – Chủ trì cuộc họp.
- Đ/c Trần Ngọc Hưng: Trưởng phòng Kế hoạch.
- Đ/c Phan Văn Nhã: Phó phòng QLTNR
- Đ/c Nguyễn Văn Chiến: CV phòng Tổ chức.
- Đ/c Lê Quốc Cường: CVC phòng Kế hoạch.
- Đ/c Lê Hữu Trình: CV phòng TCKT.
- Đ/c Đỗ Cao Thông: CV phòng TC.

CÔNG TY NGUYÊN LIỆU GIẤY MIỀN NAM

- Đ/c Tống Hữu Chân: Chủ tịch kiêm GD.
- Đ/c Nguyễn Trung Trực: Kế toán trưởng.
- Đ/c Cao Vinh Quang: Trưởng phòng Tổ chức.

NỘI DUNG:

Kiểm tra các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất và tài chính năm 2015, xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất tài chính năm 2016. Sau khi thảo luận, hai bên đã thống nhất như sau:

I. Các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất và Tài chính:

Đơn vị tính 1.000 đồng

STT	Các chỉ tiêu	KH 2015	Ước TH 2015	KH 2016
1	Giá trị SXCN	19.371.197	27.408.757	46.579.118
2	Doanh thu	5.000.000	22.663.343	31.741.900
3	Lãi , Lỗ	1.000.000	3.407.560	1.000.000
4	Nộp NS	65.830	967.960	3.151728
5	Sản phẩm chính			
a	Khai thác (m3)	11.222	25.021	39.081
	- Tỉa thưa NLG	11.222	25.021	39.081
b	Ván Veneer		4.156	10.452
b	Tiêu thụ (m3)	11.222	25.021	39.081
	- Gỗ NLG	11.222	25.021	39.081
	- Ván veneer		4.156	10.452
6	Kế hoạch Lâm sinh			
a	Trồng rừng Keo (ha)	50	61	50
b	Chăm sóc rừng (ha)			
	Năm 1	50	61	50
	Năm 2			61
	Năm 3			
c	QLBV rừng (ha)	8.762,4	8.762,4	8.762,4
7	Tổ số LĐộng (người)	179	179	179
	TĐó: - LĐ Biên chế	145	145	145
	- LĐ gián tiếp			
8	Tổng quỹ lương (1.000đ)			
	Quỹ lương của CBCNV (1.000đ)	8.319.044	9.609.000	10.469.000
	Tiền lương bình quân (đ/ng/th)	4.781.000	5.522.000	6.016.000

II. Công tác quản lý tài chính và kế toán :

a. Đầu tư lâm sinh đến 30/9/2015:

- Rừng trồng: 8.809,4 ha

- Tổng chi phí đã tập hợp: 488.689.380.349 đồng

- Chi phí tạo rừng bình quân: 55.473.628 đồng/ha

b. Cân đối công nợ:

- Tổng nợ vay TCT và NHPT đến 30/9/2015: 516.745.904.658 đồng

Trong đó:

+ Nợ TCT: 51.281.761.425 đồng

+ Nợ NHPT: 465.464.143.233 đồng

Sau khi thảo luận, đồng chí Trịnh Văn Lâm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Giấy Việt Nam kết luận:

1. Về ước thực hiện kế hoạch năm 2015:

- Đơn vị hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính năm 2015.

2. Về kế hoạch năm 2016:

a. Kế hoạch:

- Thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh tài chính năm 2016 ghi trong mục I.

b. Về tài chính

- Đơn vị cần báo cáo chi tiết giá cấu thành chi phí của sản phẩm gỗ chế biến và chi phí khai thác nhựa thông để có kế hoạch sắp xếp nguồn vốn trả nợ cho khoản vay Tổng công ty.

- Phối hợp với Tổng công ty Giấy Việt Nam tiến hành bàn giao nhà máy chế biến gỗ cho đơn vị để thực hiện khấu hao theo quy định.

- Đối với các chi phí định giá tăng để cổ phần hóa chưa được đưa vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 gồm cả đánh giá lại giá trị rừng và tài sản là 282.805.969.878 đồng. Đề nghị đơn vị sẽ bổ sung khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh khi đơn vị chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

c. Về đầu tư xây dựng cơ bản:

Đơn vị có nhu cầu đầu tư XD CB năm 2016 và đường lâm nghiệp. Yêu cầu Công ty làm tờ trình để Tổng công ty xem xét trong kế hoạch đầu tư XD CB chung của Tổng công ty năm 2016.

d. Về Quản lý tài nguyên rừng:

- Yêu cầu đơn vị xây dựng phương án tĩa thưa rừng thông và phương án khai thác tận thu nhựa thông trình Tổng công ty xem xét.

- Công ty phải có báo cáo kết quả thực hiện khai thác tĩa thưa rừng thông hàng tháng, quý gửi về Tổng công ty Giấy Việt Nam.

e. Về Tổ chức lao động:

- Công ty phải có báo cáo về chi tiền lương của kiểm soát viên và ban lãnh đạo gửi Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam để hàng năm xem xét quyết định.

- Công ty xây dựng đơn giá tiền lương, định mức cho sản phẩm gỗ chế biến báo cáo Tổng công ty Giấy Việt Nam.

Các thành viên trong cuộc họp đã thống nhất các nội dung ghi trong biên bản, Công ty Nguyên liệu giấy Miền Nam căn cứ biên bản, hoàn thiện báo cáo kết quả SXKD năm 2015 và xây dựng lại kế hoạch sản xuất- Tài chính năm 2016, gửi về phòng Kế hoạch Tổng công ty Giấy Việt Nam (25A Lý Thường Kiệt - Hà Nội) trước ngày 10/12/2015 để tổng hợp trình Hội đồng Thành viên.

**CÔNG TY NLG MIỀN NAM
GIÁM ĐỐC**



Tông Hữu Chân

**TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trịnh Văn Lâm

BÁO CÁO

KẾ HOẠCH SXKD VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2016

Kính gửi : TÔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM.

- Căn cứ Quyết định số 227/QĐ-GVN.HN ngày 30/6/2010 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty giấy Việt Nam về việc chuyển Công ty Nguyên liệu giấy Miền Nam thành công ty TNHH một thành viên do Tổng công ty giấy Việt Nam làm chủ sở hữu.

- Căn cứ Quyết định số 435/QĐ-GVN.HN, ngày 23/12/2013 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty giấy Việt Nam về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên nguyên liệu giấy Miền Nam.

- Căn cứ công văn số 288/GVN-KH.HN ngày 10/9/2015 của Tổng Công ty giấy Việt Nam về việc xây dựng kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư XDCB năm 2016.

Công ty Nguyên liệu giấy Miền Nam xây dựng kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư XDCB năm 2016 báo cáo Tổng Công ty giấy Việt Nam cụ thể như sau:

A/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2015

I/. Những thuận lợi, khó khăn

1/. Thuận lợi:

Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh Công ty luôn được sự quan tâm chỉ đạo đặc biệt của Tổng Công ty giấy Việt Nam. Được sự quan tâm giúp đỡ của các cấp chính quyền địa phương nơi Công ty đứng chân, đặc biệt Công ty có đội ngũ CBCNV nhiệt tình đoàn kết gắn bó và có tâm huyết với nghề rừng. Trong những năm gần đây Công ty đã mạnh dạn đổi mới cơ chế trong quản lý, đổi mới phương pháp lãnh đạo trong quá trình điều hành SXKD của Công ty bước đầu đã mang lại hiệu quả đáng được ghi nhận, đặc biệt trong công tác QLBV & PCCCR.

2/. Khó khăn:

- Toàn bộ diện tích rừng trồng nguyên liệu giấy trải dài trên địa bàn của 35 xã thuộc 9 huyện của tỉnh Kon Tum. Hiện trường rừng trồng chủ yếu nằm ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, hiện trường có độ dốc cao, đường sá đi lại hết sức khó khăn (Một số địa bàn mùa mưa không thể đến được). Diện tích rừng trồng của Công ty nằm trên các khu vực trong chiến tranh có rải chất độc hóa học là rất lớn, bom mìn còn sót lại sau chiến tranh còn rất nhiều trong khi thời tiết mùa khô hanh ở địa bàn các Tỉnh Tây nguyên hết sức khô kiệt, nhiều vụ bom mìn tự phát nổ gây ra cháy rừng.

- Đời sống VHXXH của người dân gần khu vực rừng trồng của Công ty còn nghèo nàn, lạc hậu, sống du canh du cư, tình trạng chặt phá lán chiếm rừng và đất trồng rừng làm nương rẫy ngày một gia tăng và diễn biến hết sức phức tạp.

- Một số Ban trồng rừng thuộc Công ty chưa có văn phòng làm việc nên phải đi thuê do đó thường xuyên bị ép và nâng giá thuê nhà hàng năm, đây cũng là một áp lực rất lớn về tài chính đối với Công ty.

- Toàn bộ diện tích rừng keo trồng các năm 2000; 2001; 2002; 2003 bị chết và cháy do khô hạn, khi đến kỳ khai thác bị thua lỗ nên dẫn đến tình trạng lỗ lũy kế quá lớn và kéo dài trong nhiều năm không thể khắc phục, do đó làm cho Công ty không thể quan hệ vay vốn phục vụ SXKD đối với các ngân hàng thương mại.

- Do địa hình đồi núi phức tạp, đường sá đi lại khó khăn, thời tiết khu vực Tây Nguyên rất khắc nghiệt nên chi phí phục vụ công tác PCCCR hàng năm phát sinh rất lớn để thuê lực lượng trực PCCCR sáu tháng mùa khô, thuê xe trục, xe chở nước, làm cầu ngầm... trong khi nguồn kinh phí của Công ty rất hạn hẹp không đủ bù đắp cho công trình, hạng mục công trình và các chi phí khác phục vụ cho công tác PCCCR hàng năm, đây cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu vốn trong công tác điều hành SXKD của Công ty.

- Công tác thiết kế tĩa thưa không phù hợp với yêu cầu của công tác khai thác, phương pháp thiết kế đang được áp dụng là đo đếm khối lượng gỗ khai thác theo từng cây, đòi hỏi mất nhiều thời gian và nhân lực vật lực. Hàng năm công tác thiết kế phải mất thời gian từ 3-5 tháng mới hoàn thành tùy theo việc huy động được lực lượng tham gia thiết kế ngoại nghiệp nhiều hay ít (năm 2012: 3 tháng/543,1 ha; năm 2013: 5 tháng/846,48 ha; năm 2014-2015: 3 tháng/300 ha).

+ Gỗ khai thác tĩa thưa là loại gỗ nhỏ, chất lượng kém, thị trường tiêu thụ sản phẩm gỗ trong khu vực chưa hình thành, cung đường vận chuyển xa, chi phí khai thác, chi phí vận chuyển cao dẫn đến việc tiêu thụ sản phẩm gỗ không thuận lợi nên tiến độ khai thác chậm (Bán không có người mua).

- Nguồn vốn QL BV, PCCCR kế hoạch năm 2015 đến thời điểm hiện nay vẫn chưa được giải ngân, do đó Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc điều hành SXKD.

II/. Tình hình thực hiện năm 2015.

1/. Tình hình thực hiện công tác lâm sinh và giải ngân vốn KH năm 2015:

TT	Nội dung	ĐVT	KH nguồn vốn 2015	Đã TH đến tháng 12/ 2015	Vốn đã giải ngân	Vốn chưa giải ngân	Nguồn vốn
1	QLBV rừng 2001-2004	Tr.đồng	15.914	15.914		15.914	Vay NHPT
2	QLBV rừng 2000, 2006	Tr.đồng	1.610	1.610		1.610	Vay Tcty, tự có
TỔNG CỘNG			17.524	17.524		17.524	

Ghi chú : Toàn bộ số vốn QL BV rừng kế hoạch năm 2015 đã thực hiện đến nay là 17.524 triệu đồng. Hiện nay Công ty đang tích cực làm việc với Ngân hàng phát triển để sớm được đăng ký kế hoạch vốn và giải ngân vốn phục vụ quản lý bảo vệ và thi công các hạng mục, công trình phục vụ công tác PCCCR mùa khô 2015-2016 trong đầu tháng 12/2015.

2/. Tình hình hoạt động SXKD tại Nhà máy chế biến gỗ.

Thời gian từ tháng 6/2015, Công ty bắt đầu chạy thử và từng bước ổn định sản xuất tại Nhà máy chế biến gỗ, năng suất sản xuất bình quân hiện nay đạt khoảng 30m³ - 35m³ thành phẩm/ngày. Kết quả sản xuất đến tháng 9/2015 và dự kiến cả năm 2015 đạt được như sau:

TT	Nội dung	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Thành tiền
I	Thực hiện đến tháng 9/2015			
1	Doanh thu bán hàng	1.816	2.486.510	4.514.682.110
2	Giá vốn hàng bán	1.816	2.361.738	4.288.136.842
3	Lợi nhuận	1.816	124.772	226.545.268
II	Dự kiến thực hiện Quý IV/2015			
1	Doanh thu bán hàng	2.340	2.535.256	5.932.500.000
2	Giá vốn hàng bán	2.340	2.391.564	5.596.259.957
3	Lợi nhuận	2.340	143.692	336.240.043
III	Ước thực hiện năm 2015			
1	Doanh thu bán hàng	4.156	2.513.959	10.447.182.110
2	Giá vốn hàng bán	4.156	2.378.533	9.884.396.799
3	Lợi nhuận	4.156	135.426	562.785.311

Ghi chú : Phần hiệu quả kinh doanh trên Công ty chưa tính phần lãi vay vì hiện nay Công ty chưa được Tổng công ty Giấy Việt Nam bàn giao tài sản.

3/. Kết quả SXKD đến ngày 30/9/2015 và dự kiến thực hiện cả năm 2015.

TT	Nội dung	Doanh thu	Chi phí	Lãi (+); Lỗ (-)
I	Thực hiện đến 30/9/2015	14.230.843.580	11.784.522.899	2.446.320.681
1	Tĩa thưa rừng Thông	1.637.569.050	1.637.569.050	0
2	SX ván Veneer	4.514.679.355	4.288.136.842	226.542.513
3	Thu tiền DVMTR	2.248.188.402	2.248.188.402	0
4	Khai thác tận thu nhựa Thông	4.436.488.000	2.651.564.257	1.784.923.743
5	Thu tiền đền bù thiệt hại rừng	1.358.234.660		1.358.234.660
6	CP tiêu hủy vật tư hết hạn SD		231.636.375	-231.636.375
7	Lãi phạt DA rừng Thông 2000,2001		716.503.345	-716.503.345
6	Khác (Lãi tiền gửi, bán HSMT)	35.684.113	10.924.628	24.759.485
II	Ước thực hiện Quý IV/2015	8.432.500.000	7.471.259.957	961.240.043
1	SX ván Veneer	5.932.500.000	5.596.259.957	336.240.043
2	Khai thác tận thu nhựa Thông	2.500.000.000	1.875.000.000	625.000.000
III	Dự kiến thực hiện năm 2015	22.663.343.580	19.255.782.856	3.407.560.724
1	Tĩa thưa rừng Thông	1.637.569.050	1.637.569.050	0
2	SX ván Veneer	10.447.179.355	9.884.396.799	562.782.556
3	Thu tiền DVMTR	2.248.188.402	2.248.188.402	0
4	Khai thác tận thu nhựa Thông	6.936.488.000	4.526.564.257	2.409.923.743
5	Thu tiền đền bù thiệt hại rừng	1.358.234.660	0	1.358.234.660
6	CP tiêu hủy vật tư hết hạn SD	0	231.636.375	-231.636.375
7	Lãi phạt DA rừng Thông 2000,2001	0	716.503.345	-716.503.345
6	Khác (Lãi tiền gửi, bán HSMT)	35.684.113	10.924.628	24.759.485

Ghi chú : Phần lãi phạt trên do quá hạn trả nợ cây Thông 2000, 2001 tính từ đầu năm 2015 đến 30/9/2015. Phần lãi phạt này Ngân hàng phát triển Kon Tum sẽ

điều chỉnh giảm trong tháng 12/2015. Công ty sẽ hạch toán giảm chi phí khi có bảng kê tính toán của NHPT Kon Tum.

4/. Tình hình thực hiện nghĩa vụ phải nộp ngân sách nhà nước thực hiện đến 30/9 và dự kiến thực hiện đến 31/12/2015 : cụ thể như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Phải nộp NSNN đến 30/9/2015	Ước thực hiện Quý IV/2015	Ước thực hiện năm 2015
1	Thuế môn bài	Tr.đồng	14,00		14,00
2	Thuế VAT	Tr.đồng	451,79	500,00	951,79
2	Thuế khác	Tr.đồng	2,17		2,17
Cộng			467,96	500,00	967,96

5/. Tình hình trả nợ vay cho NHPT

5.1/. Tình hình vay vốn và trả nợ vốn vay tại CN Ngân hàng PT Kon Tum đến 30/9/2015.

TT	Nội dung	Nợ gốc	Nợ lãi	Cộng
I	Tổng số tiền đã vay	396.536.345.000	142.563.441.966	539.099.786.966
1	Dự án rừng nguyên liệu giấy	384.980.714.000	138.015.863.013	522.996.577.013
2	Dự án PCCCR	11.555.631.000	4.547.578.953	16.103.209.953
II	Tổng số tiền đã trả	58.905.213.000	14.730.430.733	73.635.643.733
1	Dự án rừng nguyên liệu giấy	50.029.213.000	10.182.851.780	60.212.064.780
2	Dự án PCCCR	8.876.000.000	4.547.578.953	13.423.578.953
III	Số tiền còn lại phải trả	337.631.132.000	127.833.011.233	465.464.143.233
1	Dự án rừng nguyên liệu giấy	334.951.501.000	127.833.011.233	462.784.512.233
2	Dự án PCCCR	2.679.631.000	0	2.679.631.000

5.2/. Tình hình trả nợ vay cho NHPT năm 2015

Trong năm 2015, do điều kiện khó khăn về tài chính, bên cạnh đó diện tích rừng của Công ty đang xin Chính phủ chuyển mục đích kinh doanh từ chu kỳ 15 năm sang kinh doanh gỗ lớn chu kỳ 25 năm, do đó Công ty chưa có nguồn vốn trả nợ vay cho NHPT. Tình hình trả nợ đến tháng 9/2015 và trả nợ đến hết năm 2015 cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Nợ gốc	Nợ lãi	Cộng
I	Nợ phải trả năm 2015	48.033.000.000	24.620.306.282	72.653.306.282
1	Dự án PCCCR	1.560.000.000	203.306.282	1.763.306.282
2	Dự án PT vùng rừng NLG	46.473.000.000	24.417.000.000	70.890.000.000
II	Nợ đã trả đến tháng 9/2015	1.361.500.000	226.966.173	1.588.466.173
1	Dự án PCCCR	1.170.000.000	155.306.282	1.325.306.282
2	Dự án PT vùng rừng NLG	191.500.000	71.659.891	263.159.891
III	Nợ còn phải trả năm 2015	46.671.500.000	24.393.340.109	71.064.840.109
1	Dự án PCCCR	390.000.000	48.000.000	438.000.000
2	Dự án PT vùng rừng NLG	46.281.500.000	24.345.340.109	70.626.840.109

Ghi chú :

+ **Số nợ còn phải trả đối với cây Thông ba lá trồng năm 2000, 2001 số tiền là 70.626.840.109 đồng:** Đã được Ngân hàng phát triển Việt Nam đồng ý cho gia hạn đến hết tháng 12/2015.

Ngày 28/10/2015, Thủ tướng Chính phủ đã có Văn bản số 1937/TTg-KTN về việc chuyển đổi mục tiêu kinh doanh rừng trồng thông thuộc Dự án đầu tư xây dựng vùng rừng nguyên liệu giấy Kon Tum được chuyển đổi mục tiêu kinh doanh chu kỳ 15 năm sang kinh doanh gỗ lớn chu kỳ 25 năm, và giao Bộ Công Thương xem xét phê duyệt cụ thể phương án chuyển đổi, giao Ngân hàng phát triển Việt Nam thực hiện thẩm định và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định dự án vay vốn, quyết định cho vay theo đúng các quy định hiện hành về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.

+ **Số nợ còn phải trả đối với dự án PCCCR số tiền là : 438.000.000 đồng:** Công ty sử dụng từ nguồn vốn tĩa thừa rừng Thông ba lá trồng năm 2001 để trả (Sau khi trừ đi chi phí thiết kế khai thác và các khoản chi phí phục vụ khai thác tĩa thừa), số tiền còn lại Công ty trả nợ đầy đủ, kịp thời, không để nợ quá hạn.

5.3/. Tình hình vay vốn SXKD tại Tổng Công ty giấy Việt Nam đến 30/9/2015

TT	Nội dung vay	Số tiền vay	Ghi chú
1	Vay tiền SXKD, trả nợ	36.151.570.126	
2	Vay tiền thực hiện Dự án PCCCR	7.995.900.000	
3	Vay trồng, CS rừng 2006	4.663.288.419	
4	Vay tiền trồng rừng khảo nghiệm	200.000.000	
5	Nhập hạt giống Keo ngoại	135.627.500	
6	Lãi vay phải trả Tcty	2.135.375.380	
	Cộng	51.281.761.425	

6/. Công tác khai thác tĩa thừa từ năm 2012 đến năm 2015.

Thực hiện Quyết định số 175/QĐ-GVN.HN ngày 06/4/2012 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty giấy Việt Nam về việc phê duyệt phương án khai thác tĩa thừa rừng Thông ba lá tại Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam từ năm 2012 đến năm 2016; bắt đầu từ năm 2012 đến nay, sau khi hồ sơ thiết kế đđược phê duyệt, Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam đã tổ chức bán đấu giá rừng khai thác tĩa thừa cho đối tượng rừng thông trồng năm 2000 và năm 2001 cụ thể như sau:

6.1/. Theo Phương án đđược Tổng công ty Giấy Việt Nam phê duyệt.

TT	Đối tượng rừng	DT khai thác theo PA (ha)	Thời gian và diện tích thực hiện các năm(ha)				
			Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Rừng Thông 2000	594,01	515,00	79,01			
2	Rừng Thông 2001	2.291,46		950,00	1.029,00	312,46	
3	Rừng Thông 2002	4.195,35				2.774,00	1.421,35
4	Rừng Thông 2003	322,20					322,20
5	Rừng Thông 2004	146,50					146,50
6	Rừng Thông 2006	77,10					77,10
Cộng		7.626,62	515,00	1.029,01	1.029,00	3.086,46	1.967,15

6.2/. Kết quả thực hiện từ năm 2012 đến năm 2015 và dự kiến năm 2016

Tính đến ngày báo cáo diện tích khai thác tia thưa được 2612,63ha/7.626,62ha đạt 34,25%.

T	T	Nội dung	Diện tích khai thác (ha)				Sản lượng (m3)		
			Thông 2000	Thông 2001	Thông 2002	Cộng	Gỗ xẻ (>=10cm)	Gỗ NLG (<10cm)	Cộng
1	Năm 2012		108,40						
-	Thông 2000		108,40			108,40	1.621,31	896,42	
2	Năm 2013		434,70	28,60		463,30	7.049,80	3.919,36	
-	Thông 2000		434,70			434,70	6.501,69	3.594,78	
-	Thông 2001			28,60		28,60	548,11	324,58	
3	Năm 2014			262,40		262,40	5.028,81	2.977,95	
-	Thông 2001			262,40		262,40	5.028,81	2.977,95	
4	Năm 2015			571,03	207,50	778,53	17.205,61	7.815,18	
-	Thông 2001			571,03		571,03	10.943,59	6.480,55	
-	Thông 2002				207,50	207,50	6.262,02	1.334,62	
5	KH 2016			1.000,00		1.000,00	32.211,10	6.879,52	
-	Thông 2001			1.000,00		1.000,00	32.211,10	6.879,52	
Cộng			543,10	1.862,03	207,50	2.612,63	63.116,63	22.488,42	

6.3/. Đánh giá chung:

Mục tiêu của Phương án khai thác tia thưa là để đảm bảo cho rừng được cải thiện về chất lượng và không gian sinh trưởng, phát triển của cây trồng đồng thời cung cấp nguyên liệu cho yêu cầu chế biến gỗ của Công ty nhằm gia tăng giá trị của sản phẩm gỗ để bù đắp chi phí tia thưa, chi phí sản xuất và một phần chi phí đầu tư trồng rừng ban đầu. Do vậy, tiến độ khai thác tia thưa phải đạt yêu cầu đề ra theo như Phương án đã xây dựng. Tuy nhiên hiện nay theo thực tế thì tiến độ khai thác rất chậm do bị tác động bởi các nguyên nhân sau đây:

+ Công tác thiết kế không phù hợp với yêu cầu của công tác khai thác, phương pháp thiết kế đang được áp dụng là đo đếm khối lượng gỗ khai thác theo từng cây, đòi hỏi mất nhiều thời gian và nhân lực vật lực. Hàng năm công tác thiết kế phải mất thời gian từ 3-5 tháng mới hoàn thành tùy theo việc huy động được lực lượng tham gia thiết kế ngoại nghiệp nhiều hay ít (năm 2012: 3 tháng/543,1

ha; năm 2013: 5 tháng/846,48 ha; năm 2014-2015: 3 tháng/300 ha). Hiện nay Công ty đang phối hợp với đơn vị tư vấn Phân viện ĐTQHR Tây Bắc Bộ để xây dựng phương pháp thiết kế phù hợp.

+ Gỗ khai thác tĩa thừa là loại gỗ nhỏ, chất lượng kém, thị trường tiêu thụ sản phẩm gỗ trong khu vực chưa hình thành (Bán không có người mua), cung đường vận chuyển xa, chi phí vận chuyển cao dẫn đến việc tiêu thụ sản phẩm gỗ không thuận lợi nên tiến độ khai thác chậm.

+ Đặc thù khu vực rừng trồng có đồi núi chia cắt mạnh, điều kiện khai thác khó khăn đã làm cho chi phí khai thác tăng cao, ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ của sản phẩm gỗ. Nhiều diện tích rừng không thể tổ chức khai thác do không có đường vận xuất gỗ và cũng không thể mở đường mới dưới chân lô rừng vì phải tốn chi phí đền bù nương rẫy của người dân, việc chuyển gỗ thủ công ngược dốc càng không thể thực hiện được ở những nơi có độ dốc cao.

+ Thời tiết Tây nguyên không thuận lợi cho công tác khai thác (mùa mưa kéo dài 6 tháng) cũng là nguyên nhân làm cho tiến độ khai thác chậm.

7/. Công tác khai thác tận thu nhựa Thông.

Để tận thu lâm sản ngoài gỗ trên đối tượng rừng khai thác tĩa thừa, năm 2015 Công ty đã tổ chức cho khai thác tận thu nhựa Thông trên những cây thông trước khi đưa vào khai thác tĩa thừa. Trong năm 2015 đã ký hợp đồng với các đối tác khai thác tận thu nhựa thông trên diện tích tạm tính là 4.399 ha (Thực hiện từ tháng 03/2015 đến tháng 03/2016), tổng thu nhập tạm tính đạt được khoảng 7 tỷ đồng, sau khi trừ đi các khoản chi phí dự kiến lãi tạm tính khoản 1,7 tỷ đồng.

Ghi chú : Phần diện tích và thu nhập nêu trên Công ty chưa khấu trừ một số diện tích Công ty ngưng khai thác nhựa Thông để đưa vào khai thác tĩa thừa.

8/. Công tác xây dựng cơ bản.

8.1/. Phần xây dựng Nhà máy do Tổng Công ty đầu tư.

Năm 2014, Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam được Tổng công ty Giấy Việt Nam đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến gỗ ván Veneer để tiêu thụ sản phẩm gỗ Thông của Công ty (Chủ đầu tư là Tổng công ty Giấy Việt Nam). Tổng giá trị dự toán được duyệt 14.999.447.843 đồng (Trong đó: Vốn vay NHTM: 10.000.000.000 đồng; Vốn KHCĐ của Tổng công ty: 4.999.447.843 đồng) bao gồm các hạng mục cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Chi phí xây dựng	5.393.372.000	
2	Chi phí thiết bị	8.250.000.000	
3	Chi phí quản lý dự án	349.270.323	
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	786.819.153	
5	Chi phí khác	180.986.367	
6	Chi phí dự phòng	39.000.000	
Cộng		14.999.447.843	

8.2/. Phần xây dựng các hạng mục phụ trợ do Công ty tự bỏ vốn đầu tư.

Để phục vụ sản xuất, Công ty tự bỏ vốn tự có để đầu tư mua 01 xe nâng gỗ giá trị trước thuế là 770.000.000 đồng và đầu tư xây dựng một số hạng mục phụ trợ bao gồm : Bãi chứa nguyên liệu, hệ thống thoát nước, đường nội bộ với giá trị đầu tư đã được kiểm toán là **2.515.441.000 đồng** cụ thể như sau:

Stt	Nội dung công việc	Giá trị thực hiện sau thuế	Thuế GTGT	Giá trị TSCĐ hình thành
1	Chi phí xây dựng	2.390.223.000	217.293.000	2.172.930.000
2	Chi phí lập báo cáo KTKT	59.416.000	5.401.455	54.014.545
3	Chi phí thăm tra TK BVTC + dự toán	5.773.000	524.818	5.248.182
4	CP lập HSYC và đánh giá HSDX	3.713.000	337.545	3.375.455
5	Chi phí giám sát thi công	38.119.000	3.465.364	34.653.636
6	Chi phí kiểm toán	18.197.000	1.654.273	16.542.727
TỔNG CỘNG		2.515.441.000	228.676.455	2.286.764.545

Từ tháng 6/2015, Nhà máy đã đi vào chạy thử và hiện nay bắt đầu ổn định sản xuất, tuy nhiên đến thời điểm tháng 11/2015 Tổng công ty Giấy Việt Nam mới tổ chức nghiệm thu, chưa bàn giao tài sản cho Công ty.

B/. ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016.

I/. CÔNG TÁC SẢN XUẤT KHẤU LÂM SINH

1/. Công tác Quản lý bảo vệ, PCCCR năm 2016.

TT	Nội dung	DT	Kế hoạch vốn thực hiện năm 2016	Ghi chú
1	Vốn vay NHPT	8.684,54	17.374.932.337	
-	QLBV rừng Thông 2000-2004	8.684,54	17.374.932.337	
2	Vốn vay Tcty	77,10	149.428.050	
-	QLBV rừng Thông 2006	77,1	149.428.050	
Cộng		8.761,64	17.524.360.387	

2/. Công tác khai thác tia thưa rừng Thông năm 2016.

Năm 2016, công ty dự kiến khai thác tia thưa 1.000 ha cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Sản lượng (m3)					Ghi chú
		Thông 2001	Cộng	Gỗ xẻ (>=10cm)	Gỗ NLG <10cm)	Cộng	
-	Thông 2001	1.000,00	1.000,00	32.211,10	6.879,52	39.090,62	
Cộng		1.000,00	1.000,00	32.211,10	6.879,52	39.090,62	

3/. Công tác khai thác tận thu nhựa Thông năm 2016.

Năm 2016, Công ty sẽ tiếp tục tận thu nhựa Thông đối với phần diện tích đang thực hiện năm 2015 chưa khai thác tia thưa (Thời gian còn lại của hợp đồng đến hết tháng 3/2015); đồng thời Công ty kính đề nghị Tổng công ty Giấy Việt

Nam đồng ý cho Công ty được triển khai khai thác tận thu nhựa Thông trên đối tượng rừng tia thưa lần 2 (Rừng Thông 2000 và 2001). Nguồn vốn tận thu nhựa Thông thu được sau khi trừ đi các khoản chi phí phục vụ cho công tác tận thu nhựa Thông, phần còn lại sẽ bù đắp khắc phục một phần số lỗ lũy kế qua các năm.

4/. Công tác chặt tia điều tiết mật độ

Thực hiện Quyết định số 834/QĐ-GVN-PT, ngày 27 tháng 7 năm 2015 " V/v phê duyệt phương án tia thưa điều chỉnh mật độ rừng thông ba lá tại Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam ". Trong năm 2016 công ty tiến hành thi công toàn bộ diện tích rừng thuộc đối tượng tia thưa điều chỉnh mật độ là 673,3 ha.

Trong đó

- Rừng trồng năm 2001 : 66,4 ha
- Rừng trồng năm 2002 : 501,7 ha
- Rừng trồng năm 2003 : 105,2 ha

II/. CÔNG TÁC SẢN XUẤT VÁN VENEER.

1/. Năng suất sản xuất năm 2016.

- Về năng suất sản xuất : Dự kiến năng suất sản xuất của Nhà máy trong 06 tháng mùa khô là 37 m³/ thành phẩm/ngày; Năng suất sản xuất trong 06 tháng mùa mưa là 30 m³/ thành phẩm/ngày thì năng suất sản xuất năm 2016 như sau:

+ 06 tháng mùa khô: 37 m³/ngày x 26 ngày x 06 tháng = 5.772 m³.

+ 06 tháng mùa mưa: 30 m³/ngày x 26 ngày x 06 tháng = 4.680 m³.

Tổng cộng :

10.452 m³/năm

- Về tỷ lệ thành phẩm đạt được: Loại AB : 85%; Loại C: 15%.

2/. Chi phí sản xuất.

Công ty đã ra Quyết định giao khoán chi phí sản xuất cho Nhà máy cụ thể như sau (tính cho 01 m³ thành phẩm):

TT	Nội dung chi phí	ĐVT	Định mức	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	CP nguyên liệu gỗ đầu vào	m3	2,041	900.000	1.836.900	Tỷ lệ 49%
2	Chi phí nhân công trực tiếp	đ/m3		420.000	420.000	Khoán gọn
3	Chi phí khấu hao TSCĐ	đ/m3			186.966	Tạm tính
4	Chi phí quản lý, chi phí khác	đ/m3			221.151	
5	CP lãi vay (10tỷ x 12%/năm)	đ/m3			114.811	Tạm tính
Cộng					2.779.828	

Ghi chú :

- Đối với phần nguyên liệu gỗ đầu vào nhập tại Nhà máy 900.000 đồng/m³: Gỗ có đường kính đầu nhỏ từ 10cm trở lên, không cong queo.

- Đối với chi phí nhân công 420.000 đ/m³: Bao gồm chi phí lương công nhân trực tiếp sản xuất, chi phí xăng dầu, mỡ, chi phí sửa chữa nhỏ ...

- Chi phí khấu hao : Tạm trích trước, khi Tổng Công ty Giấy Việt Nam quyết toán và bàn giao tài sản sẽ điều chỉnh mức trích khấu hao theo đúng quy định hiện hành.

- Chi phí khác : Bao gồm lương, các khoản bảo hiểm của cán bộ quản lý, chi phí tiền điện, chi phí quản lý...

- Chi phí lãi vay : Tính theo mức lãi vay của Tổng công ty với Ngân hàng với số tiền vay là 10tỷ đồng, lãi suất vay 12%/năm..

3/. Doanh thu (theo đơn giá bán hiện nay) tính cho 01m³ thành phẩm.

Hiện nay, Công ty đang tiêu thụ sản phẩm ổn định cho Công ty Cổ phần TEK COM có địa chỉ tại Bình Dương với giá bán cụ thể như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (m ³)	Đơn giá bán trước thuế (đ/m ³)	Thành tiền (đồng/m ³)	Ghi chú
1	Loại AB	m ³	0,85	3.050.000	2.592.500	Đạt tỷ lệ 85%
2	Loại C	m ³	0,15	1.550.000	232.500	Đạt tỷ lệ 15%
Cộng			1,00		2.825.000	

Công ty đang tiếp tục tìm kiếm nhiều khách hàng tiêu thụ để tăng tính cạnh tranh, đảm bảo hiệu quả và chủ động được trong việc tiêu thụ, không để bị ép giá.

4/. Hiệu quả kinh doanh.

Năng suất sản xuất : 10.452 m³/năm; Doanh thu : 2.825.000 đồng/m³; Chi phí sản xuất và tiêu thụ : 2.779.828 đồng/m³; Lợi nhuận : 45.172 đồng/m³ thì dự kiến hiệu quả sản xuất đạt được cụ thể như sau:

TT	Nội dung	SL	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	HIỆU QUẢ SXKD				
1	Doanh thu	10.452	2.825.000	29.526.900.000	
2	Chi phí SX, tiêu thụ	10.452	2.779.828	29.054.757.684	
3	Lợi nhuận	10.452	45.172	472.142.316	
II	NỢP NSNN			3.287.118.463	
1	Thuế GTGT (10%)			2.952.690.000	
2	Thuế TNDN (20%)			94.428.463	

III/. CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG

- Tổng quỹ tiền lương kế hoạch năm 2016: 15.652,6 triệu đồng.

- Kế hoạch năm 2016, Công ty phân đấu chi trả lương và nộp bảo hiểm đầy đủ, kịp thời cho CBCNV, không để tình trạng nợ lương, nợ bảo hiểm. Dự kiến thu nhập của CBCNV đảm bảo bằng hoặc cao hơn năm 2015.

IV/. NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC.

3.151.73 triệu đồng.

TT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Thuế môn bài	Tr.đồng	14,00	
2	Thuế VAT (10% DT Nhà máy)	Tr.đồng	2.952,70	
3	Thuế TNDN (20% LN)	Tr.đồng	182,42	
4	Thuế khác	Tr.đồng	2,61	
Cộng			3.151,73	

V/. Kế hoạch trả nợ trong năm 2016

Trong năm 2016, Công ty tiếp tục trả nợ vay Dự án PCCCR nguyên liệu giấy Kon Tum số tiền cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đ)		
		Gốc	Lãi	Cộng
1	Trả nợ DA PCCC	1.560.000.000	144.000.000	1.704.000.000
Tổng cộng		1.560.000.000	144.000.000	1.704.000.000

VI/. Kế hoạch tía thưa rừng Thông trong năm 2016

Năm 2016, Công ty sẽ tiếp tục khai thác tía thưa phần diện tích rừng Thông trồng năm 2001, 2002 đã được Tổng công ty phê duyệt với diện tích khoảng 1.000 ha để cung cấp đủ sản phẩm gỗ tròn có đường kính từ 10cm trở lên, đảm bảo cho Nhà máy chế biến gỗ ván Miền Nam sản xuất với công suất 10.542 m³ thành phẩm/năm (10.452 m³ TP x 2,041 m³ gỗ tròn = 21.333m³), Phần còn lại Công ty sẽ tìm kiếm khách hàng tiêu thụ.

VIII/. Kế hoạch xây dựng cơ bản năm 2016

Năm 2016, để nâng cao năng suất sản xuất tại Nhà máy chế biến gỗ ván Miền Nam, đồng thời nhằm để tận thu tối đa các phế phẩm và các loại gỗ không sử dụng được tại Nhà máy chế biến gỗ ván Miền Nam (bao gồm các loại rác, lõi thông sau khi bóc) và toàn bộ sản phẩm gỗ nhỏ có đường kính <10cm, cành nhánh trong quá trình khai thác tía thưa rừng thông ba lá tại Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam, Công ty dự kiến đầu tư xây dựng một số hạng mục cụ thể như sau:

1/. Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến gỗ giai đoạn 2

- Công ty dự kiến đầu tư thêm 01 dây chuyền sản xuất và hệ thống sấy năm 2016 với nguồn vốn khoảng 15 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đầu tư : Vốn tự có của Công ty và vốn vay.

2/. Liên kết đầu tư xây dựng Xưởng chế biến nguyên liệu chất đốt công nghiệp.

Để tận thu tối đa các phế phẩm và các loại gỗ không sử dụng được tại Nhà máy chế biến gỗ ván Miền Nam (bao gồm các loại rác, lõi thông sau khi bóc) và toàn bộ sản phẩm gỗ nhỏ có đường kính <10cm, cành nhánh trong quá trình khai thác tía thưa rừng thông ba lá tại Công ty, Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam đã có Tờ trình số 30/TTr-NLGMN.2015 ngày 16/11/2015 gửi HĐQT Tổng công ty Giấy Việt Nam xin liên kết đầu tư xây dựng Xưởng chế biến nguyên liệu chất đốt công nghiệp với Công ty TNHH gỗ Linh Hiệp, có địa chỉ tại số 170, Tổ 2, khu phố 11, phường An Bình, tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Hai bên thỏa thuận cùng đầu tư xây dựng Xưởng sản xuất với nội dung cụ thể như sau:

- Địa điểm và diện tích sử dụng: Tại khuôn viên thuộc Vườn ươm Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam, xã Tân Cảnh, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum. Diện tích dự kiến xây dựng khoảng 500m².

- Phương thức đầu tư : Liên kết, Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam có cơ sở hạ tầng, đất xây dựng Nhà máy và cung cấp nguyên liệu đầu vào cho Nhà máy hoạt động. Công ty TNHH gỗ Linh Hiệp có máy móc thiết bị, kỹ thuật, bao tiêu sản phẩm.

- Nguồn vốn đầu tư : Do Công ty TNHH Linh Hiệp đầu tư 100% vốn.

- Thời gian hợp tác : 10 năm.

C/ . BIỆN PHÁP THỰC HIỆN.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý lâm nghiệp và chính quyền địa phương, các đối tác để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đúng tiến độ.

- Chú trọng đến công tác quản lý bảo vệ & PCCCR, đặc biệt là công tác chống chặt phá lán chiếm rừng và đất rừng, quán triệt tư tưởng CBCNV, đẩy mạnh công tác tuyên truyền đối với người dân sống gần khu vực rừng trồng về công tác QLBV và PCCCR, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, hàng đầu.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác tía thưa rừng trồng theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt.

- Tăng cường công tác kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ nhằm mục đích tìm ra những nguyên nhân tồn tại, yếu kém để khắc phục kịp thời nhằm ổn định và nâng cao chất lượng rừng trồng.

- Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ CNVC của Công ty.

- Thực hiện và quản lý tốt công tác sản xuất ván Veneer tại Nhà máy chế biến gỗ, nâng cao năng suất lao động, hạ thấp chi phí sản xuất để đảm bảo có lợi nhuận.

D/. Ý KIẾN ĐỀ XUẤT.

- Đề nghị Tổng Công ty Giấy Việt Nam hàng năm sớm phê duyệt hồ sơ thiết kế dự toán QLBV-PCCCR trong thời điểm quý I để Công ty kịp thời đăng ký giải ngân vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước với Chi nhánh ngân hàng phát triển Kon Tum và giải ngân vốn kịp thời phục vụ sản xuất.

- Đề nghị Tổng công ty giấy Việt Nam sớm hoàn thiện phương án chuyển đổi mục đích kinh doanh rừng từ kinh doanh gỗ nguyên liệu giấy chu kỳ 15 năm sang kinh doanh gỗ lớn với chu kỳ 25 năm, trình Bộ Công thương phê duyệt.

- Đề nghị Tổng công ty Giấy Việt Nam sớm bàn giao công trình Nhà máy chế biến gỗ trong năm 2015 để Công ty ổn định sản xuất.

- Đề nghị Tổng Công ty giấy Việt Nam cho Công ty được vay vốn để thuê tư vấn khảo sát, đo đạc hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục cấp chứng chỉ rừng bền vững FSC, khi Công ty chưa được vay vốn.

Trên đây là báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư XDCB năm 2016 của Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam. Kính mong sự quan tâm tạo điều kiện giúp đỡ và phê duyệt của Tổng công ty Giấy Việt Nam để Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC



Tống Hữu Chân